

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;

Để thống nhất quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường, liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện như sau:

Điều 1. Quy định chung

1. Thông tư này quy định việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Nhiệm vụ bảo vệ môi trường do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở trung ương (dưới đây gọi tắt là các Bộ, cơ quan trung ương) thực hiện do ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí; nhiệm vụ bảo vệ môi trường do các cơ quan, đơn vị ở địa phương thực hiện do ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí.

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường không thấp hơn 1% tổng chi cân đối của ngân sách nhà nước trong dự toán ngân sách hàng năm.

3. Đối với các đề án, dự án về bảo vệ môi trường phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện để bố trí kinh phí và triển khai thực hiện.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền và quyết toán kinh phí đã sử dụng, thực hiện chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

5. Các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước về bảo vệ môi trường thuộc các nguồn kinh phí khác (như chi từ nguồn sự nghiệp khoa học, vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các nguồn vốn khác) không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Thông tư này.

Điều 2. Phân cấp nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường.

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương, gồm:

a) Đảm bảo hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường quốc gia theo Quyết định số 16/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 do các cơ quan, đơn vị trung ương quản lý (bao gồm cả mạng lưới trạm quan trắc và phân tích môi trường); thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường.

b) Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các nội dung: xây dựng dự án, điều tra khảo sát, phân tích đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án:

- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do trung ương quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường), thuộc danh mục dự án theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích.

- Thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, xử lý, chôn lấp chất thải tồn lưu, kiểm soát các nguồn thải và các điểm ô nhiễm môi trường tồn lưu do trung ương quản lý.

- Dự án xử lý chất thải cho một số bệnh viện, cơ sở y tế, trường học, các cơ sở giam giữ của nhà nước do trung ương quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp.

- Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

c) Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường quốc gia; bao gồm hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường; xử lý ô nhiễm môi trường do thiên tai.

d) Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên của Nhà nước; quản lý cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, nhân giống một số loài động vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng do trung ương quản lý.

đ) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường quốc gia (bao gồm thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng.

e) Báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

g) Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường.

h) Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường.

i) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường đến cấp tỉnh.

k) Chi giải thưởng, khen thưởng cấp quốc gia về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định;

l) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định; vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường (nếu có).

m) Hỗ trợ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

n) Hỗ trợ cho các địa phương theo các dự án được cấp có thẩm quyền quyết định.

p) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, sẽ bố trí chi từ nguồn thu phí được để lại để thực hiện).

q) Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, gồm:

a) Đảm bảo hoạt động của hệ thống quan trắc và phân tích môi trường theo Quyết định số 16/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 do các cơ quan, đơn vị địa phương quản lý (bao gồm cả mạng lưới trạm quan trắc và phân tích môi trường); thực hiện các chương trình quan trắc hiện trạng môi trường, các tác động đối với môi trường của địa phương.

b) Hỗ trợ các nhiệm vụ bảo vệ môi trường theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các nội dung: xây dựng dự án, điều tra khảo sát, đánh giá tình hình ô nhiễm, thực hiện xử lý ô nhiễm môi trường, mua bản quyền công nghệ xử lý chất thải (nếu có), kiểm tra, nghiệm thu dự án:

- Dự án xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích do địa phương quản lý (đối với dự án có tính chất chi sự nghiệp bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường) thuộc danh mục dự án theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích.

- Thu gom, vận chuyển, xử lý giảm thiểu, tái chế, xử lý, chôn lấp chất thải ở địa bàn địa phương quản lý. Vận hành hoạt động các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh.

- Dự án xử lý chất thải cho một số bệnh viện, cơ sở y tế, trường học, các cơ sở giam giữ của nhà nước do địa phương quản lý không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp.

- Các dự án, đề án về bảo vệ môi trường bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

c) Quản lý các công trình vệ sinh công cộng; hỗ trợ trang bị thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng.

d) Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường địa phương; bao gồm hỗ trợ trang thiết bị và hoạt động về ứng cứu các sự cố môi trường; hỗ trợ xử lý môi trường sau sự cố môi trường.

đ) Quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên của Nhà nước; quản lý cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, nhân giống một số loài động vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng do địa phương quản lý.

e) Xây dựng và duy trì hoạt động hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường địa phương (bao gồm thu thập, xử lý và trao đổi thông tin); hệ thống thông tin cảnh báo môi trường cộng đồng.

g) Báo cáo môi trường định kỳ và đột xuất; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của địa phương.

h) Xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường ở địa phương; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường.

i) Hoạt động nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường tại địa phương.

k) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường; tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về bảo vệ môi trường.

l) Chi giải thưởng, khen thưởng về bảo vệ môi trường cho các tổ chức, cá nhân có thành tích đóng góp trong nhiệm vụ bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định.

m) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định; vốn đối ứng các dự án hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường (nếu có).

n) Hỗ trợ Quỹ Bảo vệ môi trường của địa phương (nếu có).

p) Xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường.

q) Các hoạt động khác có liên quan đến nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Việc phân định cụ thể các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường nêu trên của ngân sách địa phương cho các cấp ngân sách ở địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Điều 3. Mức chi:

Mức chi thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thực hiện theo định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

Cụ thể một số mức chi như sau:

- Chi công tác phí, hội nghị phí, tập huấn theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

- Chi xây dựng cơ sở dữ liệu thực hiện theo quy định tại Thông tư số 137/2007/TT-BTC ngày 28/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tạo lập thông tin điện tử; Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BTC-BTTTT ngày 26/5/2008 của Bộ Tài chính - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Chi phân tích mẫu thực hiện theo Thông tư số 83/2002/TT-BTC ngày 25/9/2002 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí về tiêu chuẩn đo lường chất lượng và các văn bản quy định hiện hành khác.

- Mức hỗ trợ xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích thực hiện theo Quyết định số 58/2008/QĐ-TTg ngày 29/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách nhà nước nhằm xử lý triệt để, khắc phục ô nhiễm và giảm thiểu suy thoái môi trường cho một số đối tượng thuộc khu vực công ích.

Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số mức chi (theo phụ lục đính kèm).

Điều 4. Lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước:

Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán kinh phí chi sự nghiệp môi trường thực hiện theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật; Thông tư này hướng dẫn cụ thể thêm một số nội dung sau:

1. Căn cứ lập dự toán:

Căn cứ nhiệm vụ bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường được lập theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-BTNMT-BTC ngày 29/4/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán công tác bảo vệ môi trường thuộc nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

2. Quy trình lập, phân bổ dự toán:

Hàng năm căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, Thông tư

hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm sau của Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường cho các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, làm căn cứ xây dựng dự toán chi sự nghiệp môi trường.

- Ở trung ương:

Các Bộ, cơ quan trung ương hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường cho các đơn vị trực thuộc.

Bộ Tài chính chủ động phân bổ và thông báo số kiểm tra chi sự nghiệp môi trường năm sau cho từng Bộ, cơ quan trung ương.

Các Bộ, cơ quan trung ương lập dự toán chi sự nghiệp môi trường gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời tổng hợp vào dự toán năm sau để gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp dự toán chi sự nghiệp môi trường của các Bộ, cơ quan trung ương gửi Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 8 năm trước năm kế hoạch để tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trung ương để báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

- Ở địa phương:

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường của địa phương.

Cơ quan tài chính địa phương chủ động đề xuất phân bổ số kiểm tra chi sự nghiệp môi trường để trình Ủy ban nhân dân cùng cấp thông báo cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc.

Các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập dự toán chi sự nghiệp môi trường gửi cơ quan tài nguyên và môi trường, đồng thời tổng hợp vào dự toán năm sau để gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Cơ quan tài nguyên và môi trường địa phương tổng hợp dự toán chi sự nghiệp môi trường của các cơ quan, đơn vị gửi cơ quan tài chính cùng cấp xem xét, tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách cùng cấp để báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xác định tổng mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương đảm bảo không thấp hơn chỉ tiêu hướng dẫn chi sự nghiệp môi trường do Bộ Tài chính thông báo.

3. Về hạch toán kế toán: Kinh phí chi sự nghiệp môi trường theo quy định tại Thông tư này được phản ánh và quyết toán vào Loại 280 "Hoạt động bảo vệ môi trường" với các Khoản tương ứng, theo Chương tương ứng của các Bộ, ngành, địa phương và chi tiết theo Mục lục ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Thanh tra, kiểm tra:

Các cơ quan chủ quản ở trung ương và địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tài chính, cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp kiểm tra

định kỳ, đột xuất các đơn vị trực thuộc về tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, việc quản lý sử dụng, thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp môi trường, nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả.

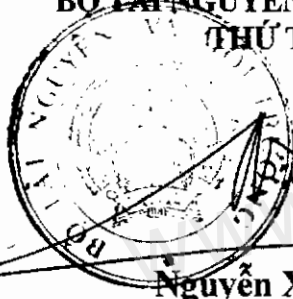
Điều 6. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Thông tư liên tịch số 114/2006/TTLT-BTC-BTNMT ngày 29/12/2006 của Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc quản lý kinh phí sự nghiệp môi trường.

Đối với các nội dung chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường không quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Xuân Cường

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỦ TRƯỞNG**



Phạm Sỹ Danh

Nơi nhận: *HCL*

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐTW phòng, chống tham nhũng;
- Các Đoàn thể, hội quần chúng ở TW;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW,
- Sở Tài chính, KBNN, Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư Pháp;
- Công báo;
- Website Chính phủ; Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG

(Phụ lục kèm theo Thông tư Liên tịch số 45/2010/TTLT-BTC-BTNMT
ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi tối đa (1.000 đ)	Ghi chú
1	Xây dựng đề cương dự án, đề án được duyệt	Dự án, đề án	1.000-1.500	Tùy theo quy mô, tính chất và nhiệm vụ của từng đề án, dự án
2	Họp hội đồng xét duyệt đề cương dự án, đề án	Buổi họp		
a	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	300	
b	Thành viên, thư ký	người/buổi	200	
c	Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	70	
d	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện	Bài viết	400	
đ	Nhận xét đánh giá của Uỷ viên Hội đồng	Bài viết	250	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án, đề án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý	Bài viết	400	Trường hợp không thành lập Hội đồng
4	Điều tra, khảo sát			
a	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
b	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân	Phiếu	30	
	- Tổ chức, doanh nghiệp, xã, phường...	Phiếu	70	
c	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương tối thiểu chung, tính theo lương ngày do Nhà	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi tối đa (1.000 đ)	Ghi chú
			nước quy định cho khu vực quản lý hành chính tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
d	Chi cho người dẫn đường	người/ngày	40	<i>Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên</i>
d	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	người/ngày	70	
5	Báo cáo phân tích, đánh giá theo chuyên đề	Báo cáo kết quả chuyên đề	3.000-8.000	<i>Tùy theo tính chất, quy mô của đề án, dự án</i>
6	Báo cáo tổng kết dự án, đề án (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt).	Báo cáo	5.000-12.000	
7	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; báo cáo đánh giá tác động môi trường Chủ tịch Hội đồng Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có) Ủy viên, thư ký hội đồng Ủy viên phản biện Đại biểu được mời tham dự	người/buổi	300 250 200 400 70	
8	Hội thảo khoa học (nếu có) Người chủ trì Thư ký hội thảo Báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng Đại biểu được mời tham dự	người/buổi hội thảo	200 100 300 70	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Khung, mức chi tối đa (1.000 đ)	Ghi chú
9	Họp Hội đồng nghiệm thu dự án, đề án.			
	Chủ tịch Hội đồng		400	
	Thành viên, thư ký hội đồng		300	
	Đại biểu được mời tham dự		70	
	Nhận xét đánh giá của phản biện		500	
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên hội đồng		300	

www.LuatVietnam.vn